

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-PT

Ngày 07-3-2020

V/v tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi trái
pháp luật về cản trở quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Kim Anh

Bà Trần Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 07/3/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2020/TLPT-DS ngày 27/12/2019 về việc “tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật về cản trở quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2020/QĐ-PT ngày 04/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1949; địa chỉ: Số C, khu phố H1, phường H2, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2019):

1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm Q6; địa chỉ: Số 26D, đường C1, khu phố C2, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Võ Tân T1, sinh năm 1994; thường trú: Xã T2, huyện T3, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ liên hệ: Số 82, đường số E, Trung tâm H thị xã D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Đỗ Thị Ngọc Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: Số C, khu phố H1, phường H2,

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành T4, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 353, khu phố H1, phường H2, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Doãn H – L thuộc Đoàn L tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Công ty L Hợp danh N - 467/7, đại lộ B, khu phố 1, phường P thành phố T5, tỉnh Bình Dương và ông Võ Tuấn Vĩnh T6 - L thuộc Đoàn L tỉnh Tiền Giang; địa chỉ: Công ty L Trách nhiệm hữu hạn V-số 508, đường P, xã T7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm Q1;

2. Bà Thái Ngọc T8, sinh năm Q0;

Cùng địa chỉ: Số 274, khu phố H3, phường H2, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Nguyễn Kim Y, sinh năm 1973;

4. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Số 354A, khu phố H1, phường H2, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

5. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 353B, khu phố H1, phường H2, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

6. Ông Nguyễn Thành H4, sinh năm 1971;

7. Bà Lê Thị S, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Số 354, khu phố H1, phường H2, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

8. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm Q6;

9. Bà Nguyễn Thị T9, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Số 63, khu phố H1, phường H2, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

10. Bà Nguyễn Kim L, sinh năm Q9;

11. Ông Phạm Thanh N, sinh năm Q0;

Cùng địa chỉ: Số 63, ấp T10, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: Số 353, khu phố H1, phường H2, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

12. Bà Nguyễn Kim O, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 353A, khu phố H1, phường H2, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

13. Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1976;

14. Ông Trần Diệu H, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Số 12/4, đường N, khu phố L1, phường L2, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

15. Cơ quan U phường H1, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Nguyễn Thành T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị V trình bày:

Bà Phạm Thị V là người sử dụng đất hợp pháp thửa đất số Q, tờ bản đồ B3, diện tích 348m², trên đất có nhà ở của gia đình bà V; đất tọa lạc tại khu phố H1, phường H2, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: **U/QSĐĐ**/HĐ cấp cho hộ bà Phạm Thị V ngày 26/5/2000. Cạnh phía Tây đất của bà V giáp với lối đi chung bằng bê tông; rộng khoảng 1,8m; dài 38,2m. Lối đi công cộng này có từ trước năm 1975, trước đây là đường đất nhỏ, do lầy lội nên gia đình ông T4 sửa lại và đổ bê tông như hiện nay. Gia đình bà V có rào ranh giới đất của mình với lối đi bằng lưới B40 và tôn. Khoảng tháng 4/2018, bà V có nhu cầu sử dụng lối đi (xây nhà cho thuê) nên tháo hàng rào để sử dụng thì gia đình ông T4 ngăn cản và trồng trên ranh giới lối đi và đất bà V bằng 10 trụ bê tông, rào lưới B40 không cho bà V sử dụng.

Bà V yêu cầu ông T4 phải chấm dứt hành vi trái pháp luật về cản trở bà V sử dụng đất, sử dụng lối đi chung; yêu cầu ông T4 tháo dỡ, di dời 10 trụ bê tông và lưới B40 cao 02m; dài 14,6m để trả lại lối đi chung diện tích 35,1m² cho gia đình bà V sử dụng, không được cản trở gia đình bà V sử dụng lối đi này.

Ngày 11/9/2019, bà V có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc ông T4 phải trả lại lối đi chung diện tích 35,1m².

Bị đơn ông Nguyễn Thành T4 trình bày:

Đất của gia đình ông T4 giáp đất bà Nguyễn Thị M và đất bà V bằng rạch C; từ nhà ông T4 đi ra đường công cộng phải qua rạch C và đi qua lối đi rộng 1,8m; dài khoảng 38,2m (bà V tranh chấp).

Nguồn gốc đất hình thành lối đi là do gia đình ông T4 mua từ thời ông bà ông T4, mua bằng “giấy tay” nhưng hiện nay đã thất lạc. Lúc đầu là đường đất nhỏ; sau này gia đình ông T4 cải tạo đổ bê tông như hiện nay. Hai bên lối đi có hai bờ mương (làm ranh ngăn cách với đất bà M và đất bà V), quá trình sử dụng đất thì bà V lấp bờ mương và làm hàng rào ngăn cách đất của bà V và lối đi. Nay, bà V xây nhà cho thuê nên tháo dỡ hàng rào của bà V và sử dụng lối đi của gia đình ông T4 nhưng lối đi rất nhỏ, nếu đi lại nhiều sẽ gây nguy hiểm. Ông T4 yêu cầu bà V giữ nguyên hiện trạng không được tháo rào, sử dụng lối đi của gia đình ông T4 vì thực tế hiện nay nhà đất bà V có mặt tiền giáp đường C nên không cần phải sử dụng lối đi này. Vì lối đi là đất của gia đình ông T4 nên ông T4 có trồng 10 trụ bê tông và rào lưới B40 cao 02m; dài 14,6m trên lối đi thuộc đất ông T4, không trồng trụ bê tông và rào lưới B40 trên đất của bà V.

Ông T4 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Thành L, bà Thái Ngọc T8, bà Nguyễn Kim L, bà Nguyễn Kim C, ông Trần Diệu H, ông Nguyễn Thành H, bà Nguyễn Kim Y, ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thị Kim N,

bà Lê Thị S, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Thanh N, bà Nguyễn Kim O thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông T4 và người đại diện hợp pháp của ông T4.

Tại Công văn số X/UBND-NC ngày 14/02/2019, Cơ quan U phường H1, thị xã (nay là thành phố) T trình bày: Lối đi đang tranh chấp giữa bà V và ông T4 là đường đi công cộng được hình thành từ trước năm 1975 thuộc quyền quản lý của Nhà nước mà Cơ quan U phường H1 là cơ quan đang trực tiếp quản lý; Cơ quan U phường H1 đề nghị ông T4 tháo dỡ các trụ bê tông và lưới B40 đã làm trên đường đi này; đồng thời yêu cầu các hộ dân sử dụng con đường này làm lối đi phải có trách nhiệm bảo vệ, không lấn chiếm, không làm hư hại con đường, không có các hành vi gây ô nhiễm môi trường hoặc gây mất an ninh trật tự trên con đường này.

Cơ quan U phường H1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V đối với ông Nguyễn Thành T4 về việc “tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi trái pháp luật về cản trở quyền sử dụng đất”.

Buộc ông Nguyễn Thành T4 phải chấm dứt hành vi trái pháp luật, tháo dỡ, di dời 10 trụ bê tông trên con đường công cộng rộng 1,8m; dài 38,2m tính từ đường C đến rạch C, một phần có gắn lưới B40 cao 02m, dài 14,6m (tính từ phía rạch C đến đường C) và không được cản trở bà Phạm Thị V sử dụng đường đi này (có sơ đồ kèm theo).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị V về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành T4 trả lại đường đi chung rộng 35,1m².

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 24/9/2019, bị đơn ông T4 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T6 trình bày: Cơ quan U phường H1 xác định con đường các bên đang tranh chấp có chiều ngang 1,8m; dài 38,2m là đường đi công cộng; nếu đây là đường công cộng thì bà V không có quyền khởi kiện; nếu ông T4 xây dựng công trình trên đất là đường đi thì việc giải quyết buộc ông T4 tháo dỡ công trình trên đất thuộc thẩm quyền của Cơ quan U phường H1 hoặc U có quyền khởi kiện ông T4 theo quy định tại Điều 187 của Luật Đất đai; do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V là không có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Luật sư Nguyễn Doãn H trình bày: Gia đình bà V sử dụng đường C từ lâu; gia đình bị đơn (gồm 8 hộ và đều là anh chị em của bị đơn) sử dụng con đường tranh chấp từ hơn ba mươi năm và không bị ai phản đối. Qua quá trình điều tra, xác minh thì Cơ quan U thị xã T có công văn trả lời Tòa án cấp sơ thẩm là không có tài liệu nào liên quan đến việc quản lý, sử dụng con đường tranh chấp; Cơ quan U phường H1 trả lời là con đường tranh chấp là đường đi công cộng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm không đo đạc các phần đất tiếp giáp con đường mà các bên tranh chấp; không định giá tài sản trên đất; do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Quá trình tố tụng, những người làm chứng xác định con đường đang tranh chấp có nguồn gốc từ trước năm 1975, là đường đi công cộng, không phải là đường đi riêng của ai. Theo biên bản xác minh ngày 11/01/2019 thì con đường tranh chấp có từ trước năm 1975 thuộc sự quản lý của Nhà nước, được thể hiện trên bản đồ địa chính, không phải lối đi riêng của ông T4. Tại Công văn số 62/UBND-NC ngày 14/02/2019, Cơ quan U phường H1, thị xã T xác định: Con đường tranh chấp được hình thành từ trước năm 1975 thuộc quyền quản lý của Nhà nước mà Cơ quan U phường H1 là cơ quan đang trực tiếp quản lý. Mặt khác tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ: U/QSDĐ/HĐ do Cơ quan U thị xã T cấp ngày 26/5/2000 cũng thể hiện có con đường đi này. Do đó có căn cứ cho rằng con đường tranh chấp là đường đi công cộng thuộc quản lý của Nhà nước, không phải con đường đi riêng của gia đình ông T4.

Bị đơn kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà V khởi kiện yêu cầu ông T4 tháo dỡ hàng rào (trụ bê tông + lưới B40) mà ông T4 làm trên lối đi chung và chấm dứt việc cản trở gia đình bà V sử dụng lối đi chung này.

Ông T4 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V và trình bày lối đi thuộc quyền sử dụng riêng của gia đình ông T4 do ông, bà ông T4 mua từ trước năm 1975.

Xét ý kiến của hai bên đương sự, chứng cứ do hai bên đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được; thấy rằng:

[2] Hộ gia đình ông T4 được cấp quyền sử dụng đất ngày 08/4/1997, thửa số K, diện tích 1.975m² (trong đó có 300m² đất thổ cư, nay gọi là đất ở); để đi ra đường C (đường nhựa) thì gia đình ông T4 phải bắt cầu băng qua rạch C (rộng khoảng 1,5m); tiếp đến là đường đi (đang tranh chấp) diện tích theo số đo thực tế là 68m² (chiều rộng 1,8m + 2,2m; chiều dài 38,2m + 36,26m) và đến đường C. Ông T4 trình bày diện tích đất đường đi 68m² ở trên là do ông, bà ông T4 mua để sử dụng riêng từ trước năm 1975 nhưng không có giấy tờ gì chứng minh; sơ đồ bản vẽ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T4 không có diện tích đường đi (68m²) ở trên. Thực tế hiện nay có 08 hộ gia đình là những người thân thích của ông T4 cùng sử dụng đường đi này.

[3] Bà V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/5/2000, thửa đất số Q, diện tích 348m² (có 150m² thổ cư, nay là đất ở); sơ đồ cấp đất cho bà V ở cạnh hướng Tây giáp đường đi (đang tranh chấp); theo sơ đồ bản vẽ thực tế do cơ quan có thẩm quyền lập ngày 11/7/2019 thì đường đi (tranh chấp) giáp thửa đất số 197 của bà Nguyễn Thị M ở hướng Đông và giáp thửa đất số Q của bà V ở hướng Tây.

[4] Tại biên bản xác minh ngày 11/01/2019 và ý kiến của Cơ quan U phường H1 (Công văn số X/UBND-NC ngày 14/02/2019) thể hiện rõ ràng là đường đi có từ trước năm 1975 và thuộc sự quản lý của Nhà nước. Như vậy có căn cứ xác định đường đi có diện tích 68m² là đường đi chung do nhà Nước quản lý; ông T4 và gia đình ông T4 đơn phương rào lại ranh giới đường đi, làm cản trở quyền của các bất động sản liền kề đường đi là không đúng pháp luật.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để buộc ông T4 tháo dỡ hàng rào và “chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản” của bà V là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Bị đơn ông T4 kháng cáo nhưng không có gì để chứng minh nên không được chấp nhận; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là chưa phù hợp với pháp luật nên không được chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T4 phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành T4.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành T4 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số O ngày 26/9/2019 của Chi cục T12 thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục T12 thị xã T;
- TAND thị xã T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đào Minh Đa